

Số: 18 /2020/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai năm ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 84/TTr-SNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2020; Báo cáo thẩm định số 766/BC-STP ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận, gồm: 04 Chương, 18 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19/6/2020 và thay thế Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn tỉnh và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- BCĐ TW PCTT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, Khối NCTH;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ TT&TT;
- Lưu: VT, QMT.



Lưu Xuân Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ
Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về hoạt động; đối tượng và mức đóng góp; hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận (sau đây được gọi tắt là *Quỹ*).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân là người Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

3. Tồn Quỹ cuối năm được phép chuyển sang năm sau.

4. Quỹ hoạt động theo Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG GÓP QUỸ

Điều 3. Đối tượng và mức đóng góp

Đối tượng và mức đóng góp thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn:

Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng;

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối tượng được miễn đóng góp:

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã

hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có);

h) Hợp tác xã không có nguồn thu;

i) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 5 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương đề tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

Điều 6. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Hằng năm, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh căn cứ bảng lương tháng 12 của năm, đối tượng, mức đóng góp và đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy chế này, để lập kế hoạch thu Quỹ, gửi về Chi cục Thủy lợi (*Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ cho các đối tượng nêu trên được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn bị thiệt hại do

thiên tai, gửi báo cáo trực tiếp về Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp gửi Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*thông qua Ban quản lý Quỹ*) tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Căn cứ kế hoạch thu Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh thực hiện thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ”.

2. Thời gian giao kế hoạch thu Quỹ trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

3. Thời gian thu Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần trong năm, trước ngày 30 tháng 5 hàng năm; đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 30 tháng 5, số còn lại nộp trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

Điều 7. Nội dung chi của Quỹ

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và Khoản 4, Điều 1, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Được điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương;

b) Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại điểm a, b, c, Khoản 3, Điều 10 Luật Phòng chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

- Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình;

- Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai;

- Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở

địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 03% tổng số thu.

Điều 8. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai nhưng tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ, bao gồm cả phần kinh phí giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

Điều 9. Thẩm quyền chi Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ và Khoản 2, 3, Điều 10 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

2. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan, đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

Điều 10. Quản lý tài chính Quỹ

1. Ban quản lý Quỹ trực tiếp điều hành, quản lý Quỹ theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc quản lý, sử dụng Quỹ thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Các Cơ quan, địa phương và đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời báo cáo về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*thông qua Ban quản lý Quỹ*) để theo dõi, tổng hợp và quyết toán kinh phí của Quỹ.

3. Số dư trên tài khoản của Quỹ hằng năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi quản lý và sử dụng để hỗ trợ các hoạt động theo quy định tại Điều 7 Quy chế này, không sử dụng cho mục đích khác.

Điều 11. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ.

Điều 12. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

Điều 13. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi. Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hằng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

3. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp Quỹ; công khai trên website của cơ quan Quỹ.

Điều 14. Nội dung xử phạt vi phạm về đóng góp Quỹ Phòng, chống thiên tai

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.

Hằng năm, Ban quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn thanh tra thường xuyên và đột xuất về việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành có liên quan

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) chỉ đạo Ban quản lý Quỹ triển khai thực hiện hiệu quả công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ và Quy chế này trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm Xã hội tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng, người lao động của tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và thu Quỹ theo quy định.

4. Giao Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn địa phương trong việc sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ từ Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định hiện hành. Tổ chức thẩm tra nguồn thu, chi của Quỹ, gửi báo cáo thẩm tra cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*thông qua Ban quản lý Quỹ*) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

5. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin về hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước trên địa bàn tỉnh đăng ký hoạt động tại các địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và thu nộp Quỹ theo quy định.

b) Phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh cho Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

6. Cán bộ, nhân viên trong lực lượng vũ trang (*trừ chiến sỹ tham gia nghĩa vụ*) do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh quản lý, căn cứ bảng lương tháng 12 của năm, mức thu quy định và danh sách đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn để lập kế hoạch thu Quỹ, gửi về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*thông qua Ban quản lý Quỹ*) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ kế hoạch thu Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh thực hiện thu của cán bộ, nhân viên thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc thu, nộp Quỹ tại địa phương; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích và thanh, quyết toán theo quy định hiện hành. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ, Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ, Quy chế này tới nhân dân địa phương. Đồng thời hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện căn cứ mức thu của các đối tượng và danh sách đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn lập kế hoạch thu Quỹ, gửi về Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (*thông qua Ban quản lý Quỹ*) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ kế hoạch thu Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức thuộc cấp huyện thực hiện thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn (*trừ các đối tượng đã thu quy định tại Khoản 2 Điều này*), nộp vào tài khoản Quỹ. Việc thu bằng tiền mặt phải có phiếu thu theo mẫu của Bộ Tài chính.

Điều 17. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu, nộp Quỹ; công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014; Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ và Quy chế này tới cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị; tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1 và Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quy chế này vào tài khoản của Quỹ.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các Hội, Đoàn thể có liên quan tham gia giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện để đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Quỹ.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Ban quản lý Quỹ để tổng hợp, gửi Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan có ý kiến; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh